

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 12 năm 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C P, TỈNH G L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mừng
2. Bà Ksor H'Séo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G L

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh G L tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2021/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị K H'V, sinh năm 1995
Trú tại: Thôn T M A, xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Có mặt
2. Bị đơn: Anh K J, sinh năm 1993
Trú tại: Thôn T M A, xã I D, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt
3. Người phiên dịch: Ông Nay Đức Linh, sinh năm 1987. Người dân tộc Jrai
Trú tại: Thôn H B, thị trấn N H, huyện C P, tỉnh G L. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/04/2021, bản tự khai ngày 08/6/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị K H'V trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và anh K J tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2017 tại UBND xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Sau khi kết hôn, sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh J ghen tuông không có lý do, đánh đập vợ con, không lo làm ăn mà đi bán đồ đạc trong nhà để mua rượu uống, không quan tâm đến gia đình. Nay tôi cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu

thuần giữa chúng tôi đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh J.

- Về con chung: Tôi và anh J có hai con chung là K H'Th, sinh ngày 29/9/2014 và K T, sinh ngày 27/01/2016.

Hiện hai cháu đang sống với tôi. Tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh J cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh K J đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T M A, xã I D, huyện C P, tỉnh G L. Anh J đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án một cách hợp lệ và đã biết việc chị K H'V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nhưng anh J không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án để làm việc và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, anh J cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh G L tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Cơ bản là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy có một số vi phạm nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần rút kinh nghiệm.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị K H'V ly hôn với anh K J.

Về con chung: Giao hai con chung là K H'Th, sinh ngày 29/9/2014 và K T, sinh ngày 27/01/2016 cho chị K H'V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc chị K H'V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị K H'V khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh K J có nơi cư trú tại thôn T M A, xã I D, huyện C P, tỉnh G L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh K J không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị K H'V và anh K J đăng ký kết hôn ngày 07/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Dreng, huyện C P, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Tại Biên bản hòa giải ngày 10/4/2021 tại thôn T M A, gồm có già làng, thôn trưởng, Hòa giải viên của thôn, Ban công tác mặt trận thôn thể hiện: Từ khi cưới nhau về cuộc sống rất hạnh phúc, đến khi có 02 đứa con thì anh K J thường xuyên uống rượu say về nhà ghen tuông và đánh đập vợ con, có nợ nần trong làng rất nhiều nên chị K H'V không chịu nổi, chị H'V đòi ly hôn mặc dù tổ hòa giải đã giải thích cuộc sống vợ chồng dù không hạnh phúc thì cũng không nên ly hôn. Sau khi chị H'V kể lại sự việc bị anh K J đánh đập và bán đồ đạc trong nhà hết để mua rượu uống thì anh K J đồng ý chấp nhận ly hôn, 02 họ hàng cùng đồng ý.

Qua xác minh từ thôn trưởng thôn T M A, xã I D, huyện C P, tỉnh G L cho thấy: Việc ly hôn giữa chị K H'V và anh K J đã được làng giải quyết xong theo phong tục tập quán và hai vợ chồng họ đã không còn ở với nhau. Việc chị H'V làm đơn ly hôn anh J biết, anh J thường xuyên vắng mặt tại địa phương, nhưng lâu lâu anh J vẫn về nhà.

Có căn cứ anh K J vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị K H'V được ly hôn anh K J.

- Về con chung: Chị K H'V và anh K J có hai con chung là K H'Th, sinh ngày 29/9/2014 và K T, sinh ngày 27/01/2016.

Chị K H'V yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 cháu; Hiện cả 02 cháu đều sống với chị K H'V được chị K H'V chăm sóc phát triển bình thường; Xét nguyện vọng của các cháu đều muốn được ở với chị K H'V. Do đó giao cả 02 cháu K H'Th và K T cho chị H'V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H'V không yêu cầu anh J cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị K H'V và anh K J không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị K H'V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K H'V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị K H'V ly hôn anh K J

2. Về con chung: Giao hai con chung là K H'Th, sinh ngày 29/9/2014 và K T, sinh ngày 27/01/2016 cho chị K H'V trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu K H'Th và K T thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị K H'V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005516, ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P, tỉnh G L.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết lên Tòa án nhân dân tỉnh G L để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C P;
- Chi Cục THS DS huyện C P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Dương Đình Mạnh